TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HN-ST
Ngày: 18-6-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tấn Khoa**

2. Bà **Phan Thị Nga**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Phước Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà **Đoàn Thụy Thùy T** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 2001 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp AP, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Anh **Trần Quốc K**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp MT, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày, chị và anh Trần Quốc K sống chung vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày 28/6/2018, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Quốc K đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị H, nhưng anh không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, nên không ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Anh Trần Quốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, anh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Không công nhận chị Lê Thị Ngọc H và anh Trần Quốc K là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 28/6/2018, hiện đang sống với chị H. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Chị Lê Thị Ngọc H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Quốc K có nơi cư trú ấp MT, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Trần Quốc K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Quốc K là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Chị Lê Thị Ngọc H và anh Trần Quốc K sống chung vào năm 2017 và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, chị H xin ly hôn anh K. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh K kết hôn với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh K không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ cơ sở trên, nghĩ nên không công nhận chị H với anh K là vợ chồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày 28/6/2018, hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện, nuôi dưỡng về vật chất, cũng như tinh thần, đảm bảo cho con chung phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội. Mặt khác, cháu T còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Chị H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Lê Thị Ngọc H** và anh **Trần Quốc K** là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 28/6/2018, hiện đang sống với chị H. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị H, anh K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007892 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức